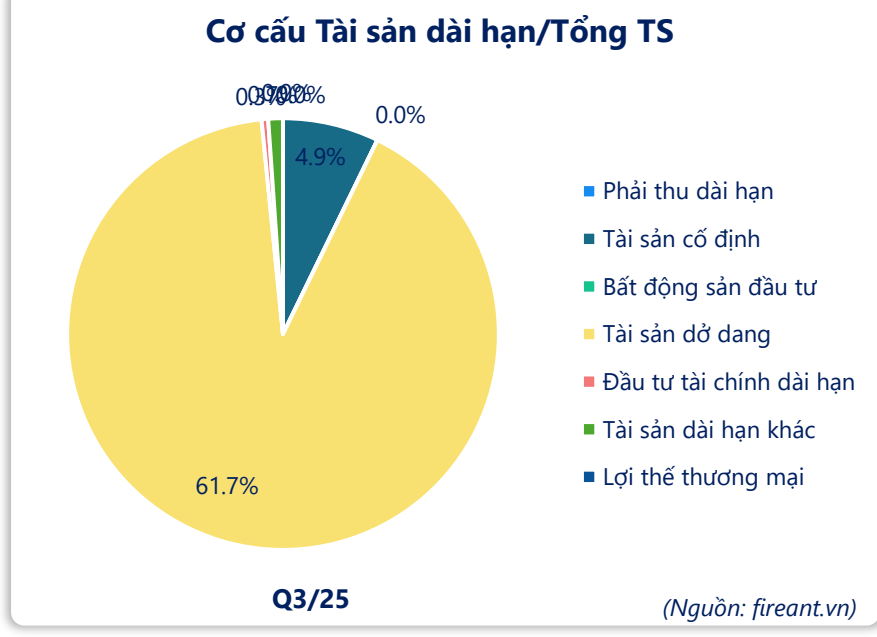
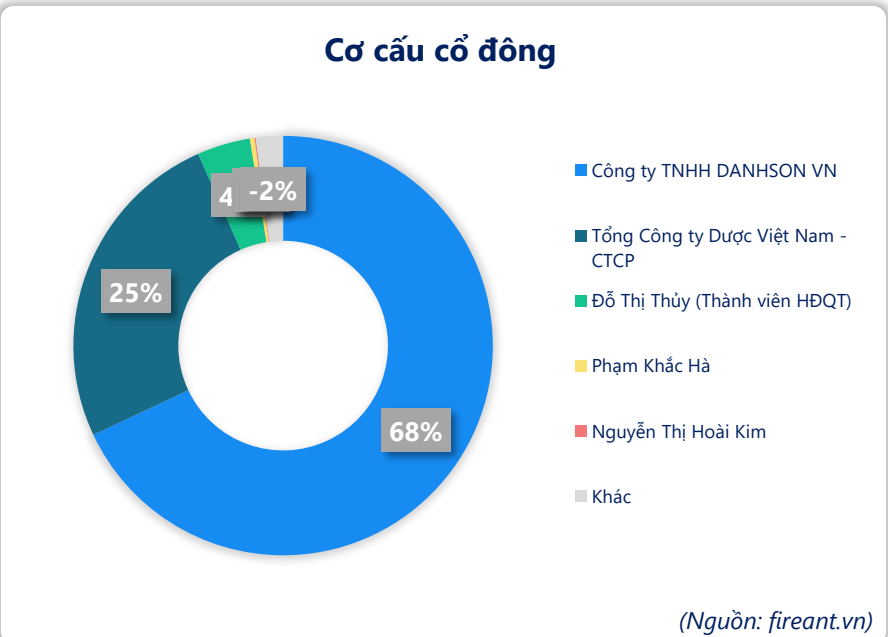
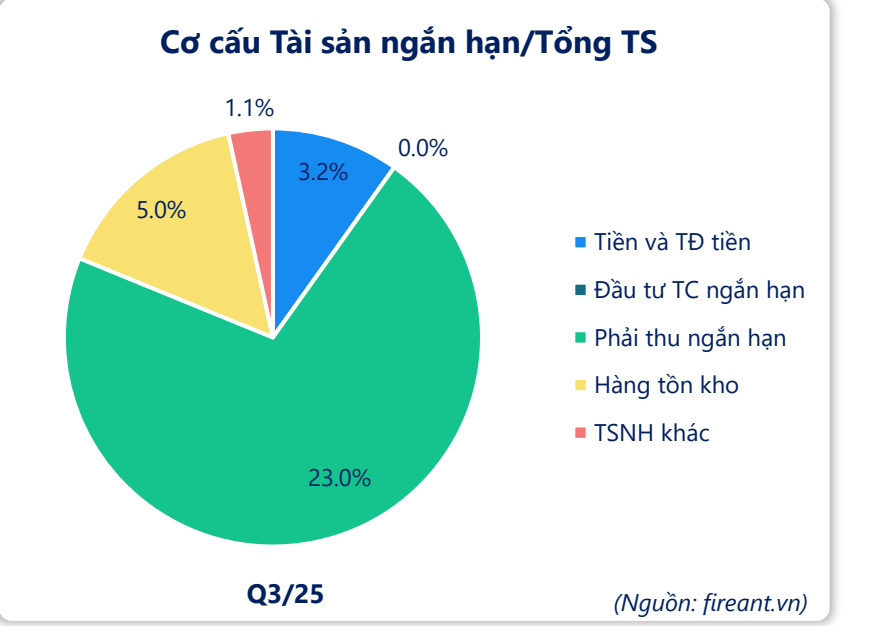
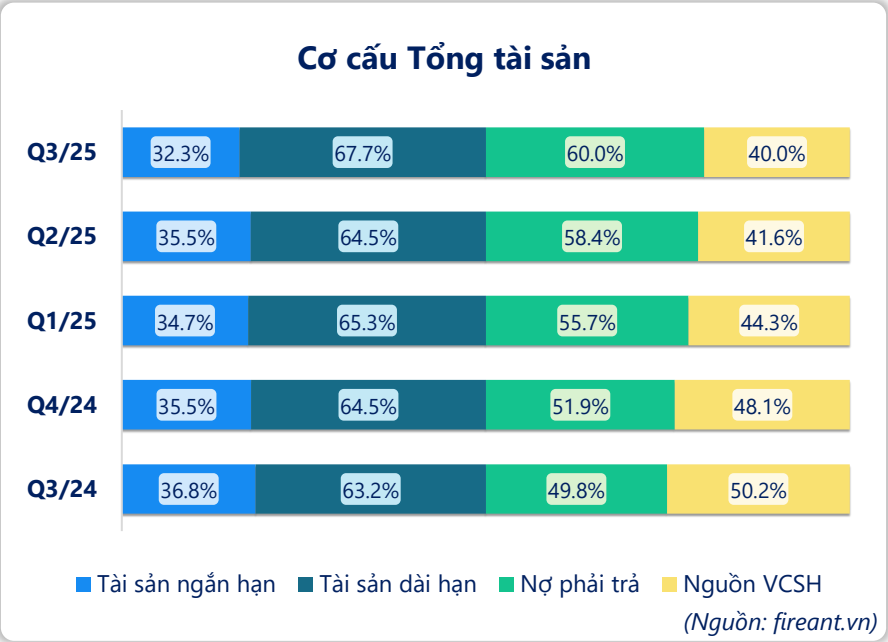
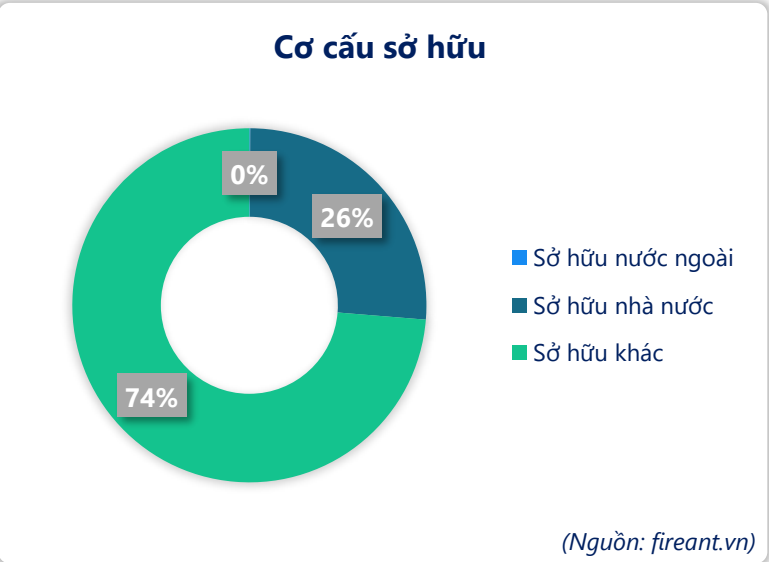
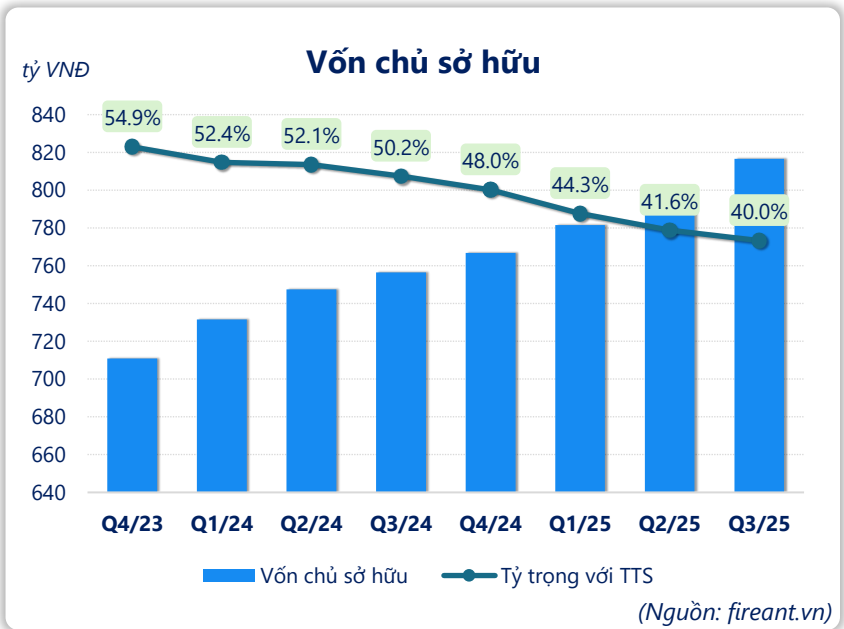
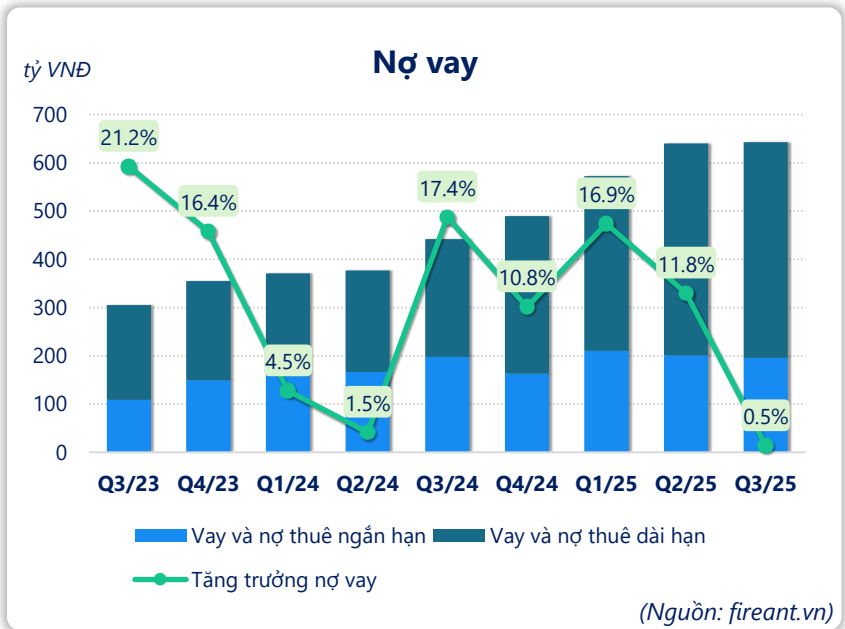
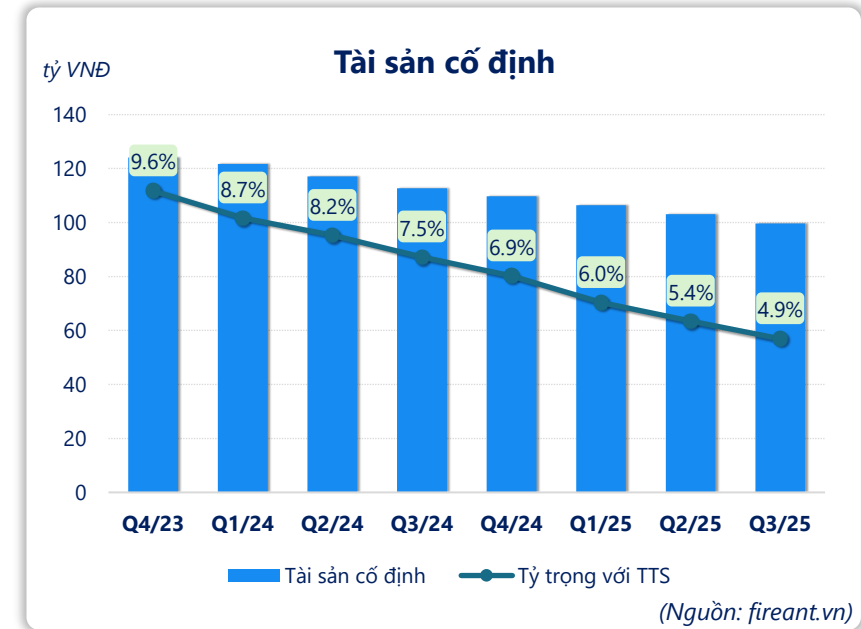
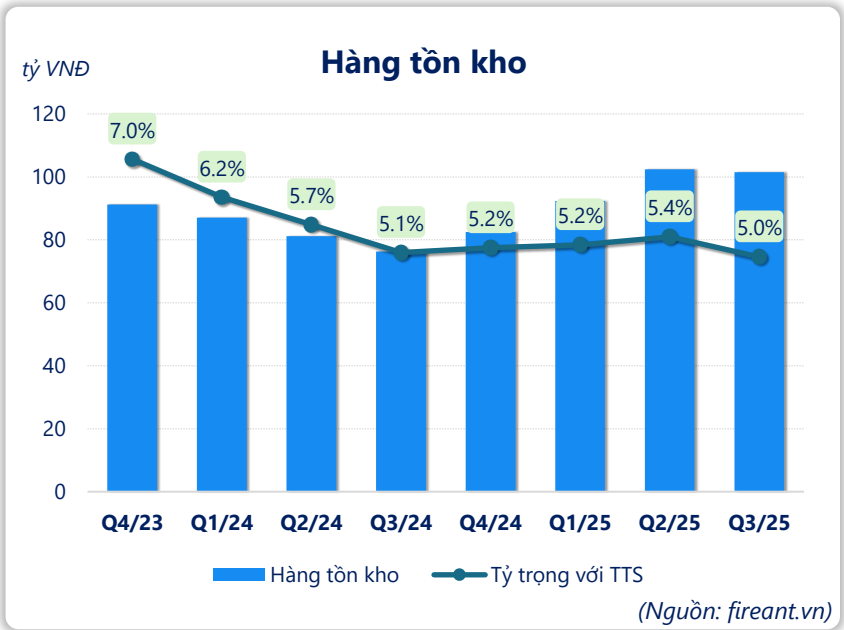
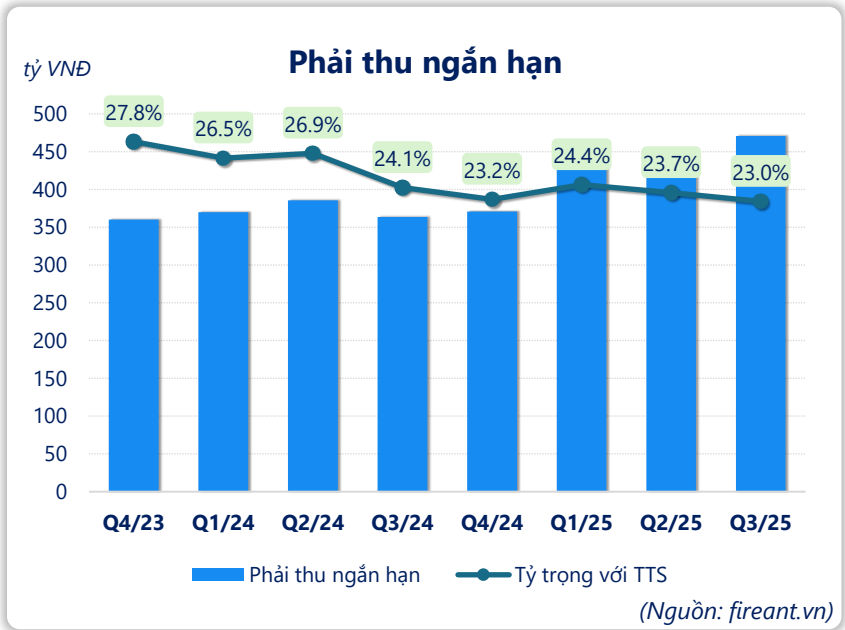
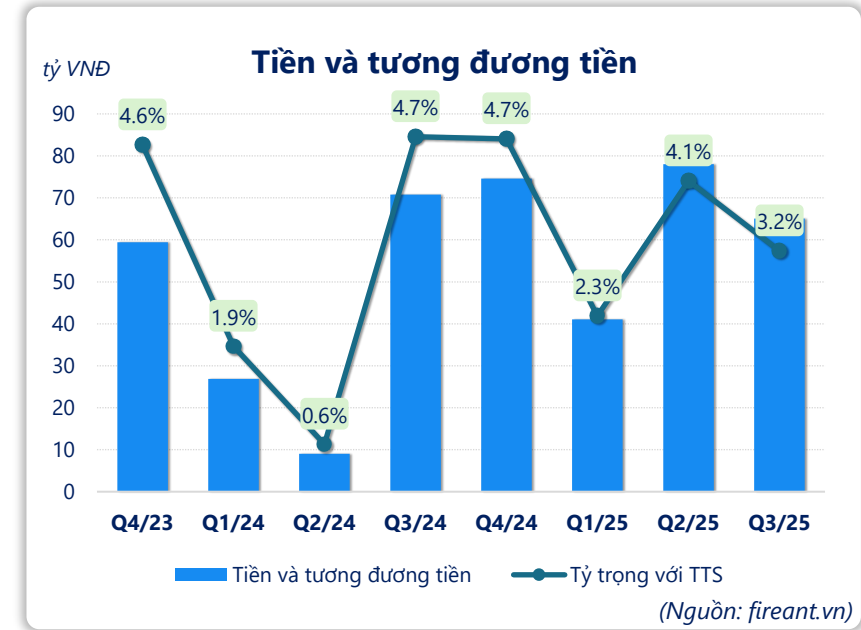
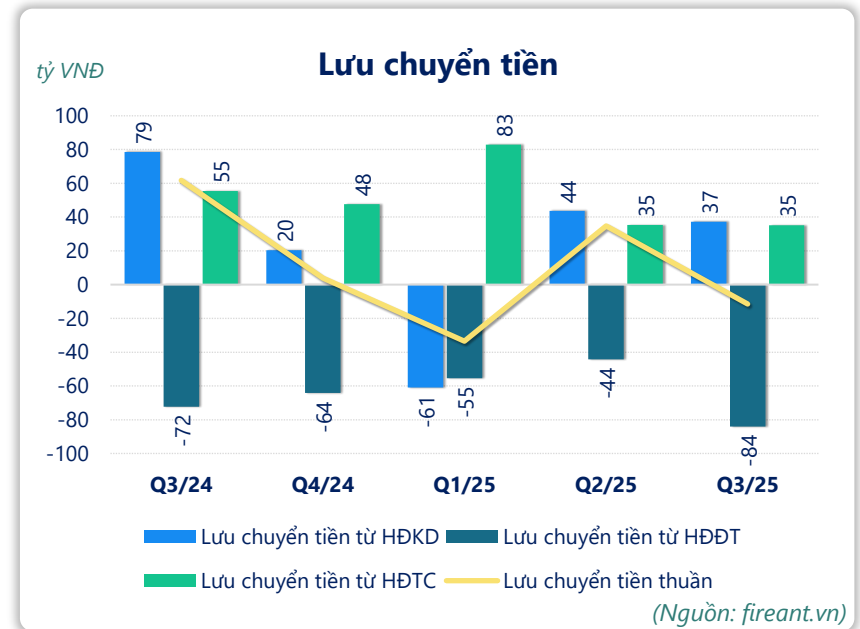
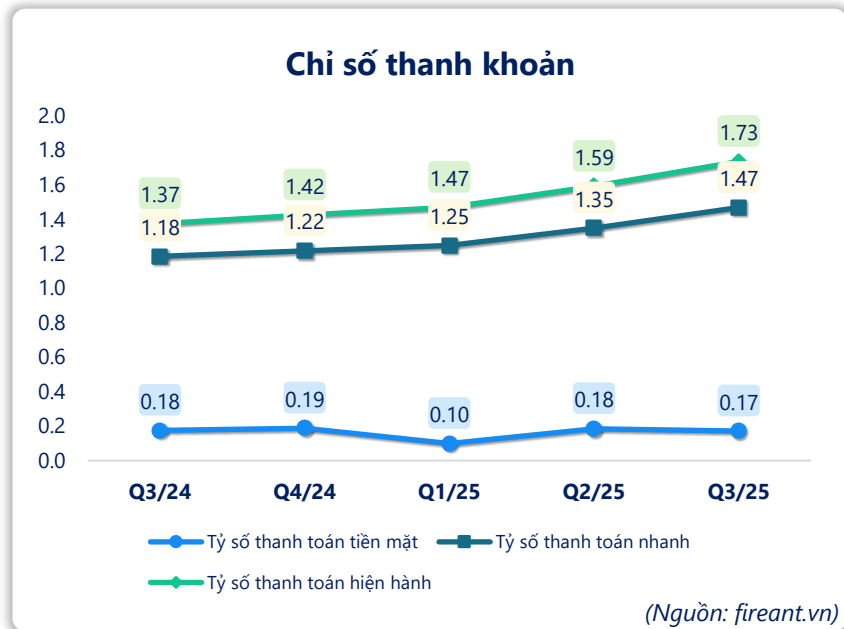
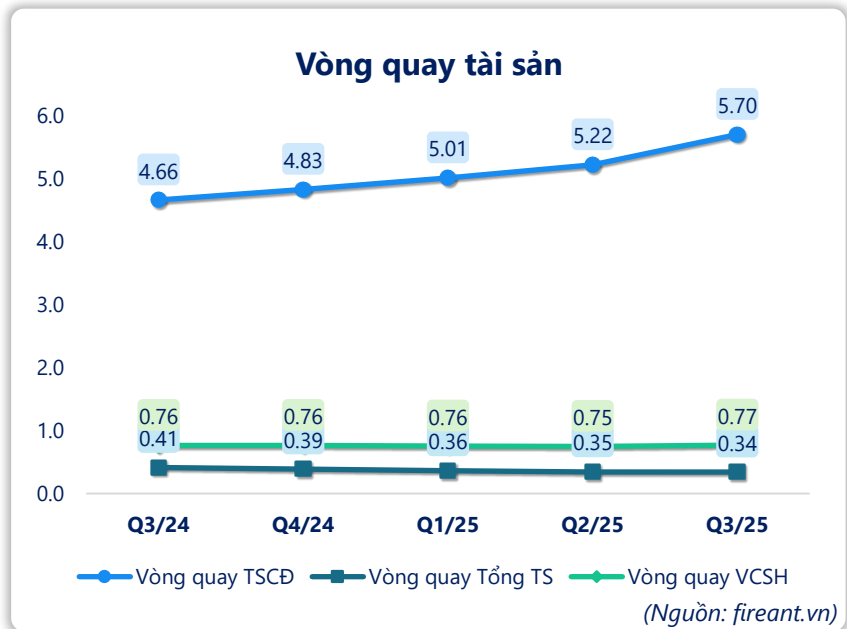
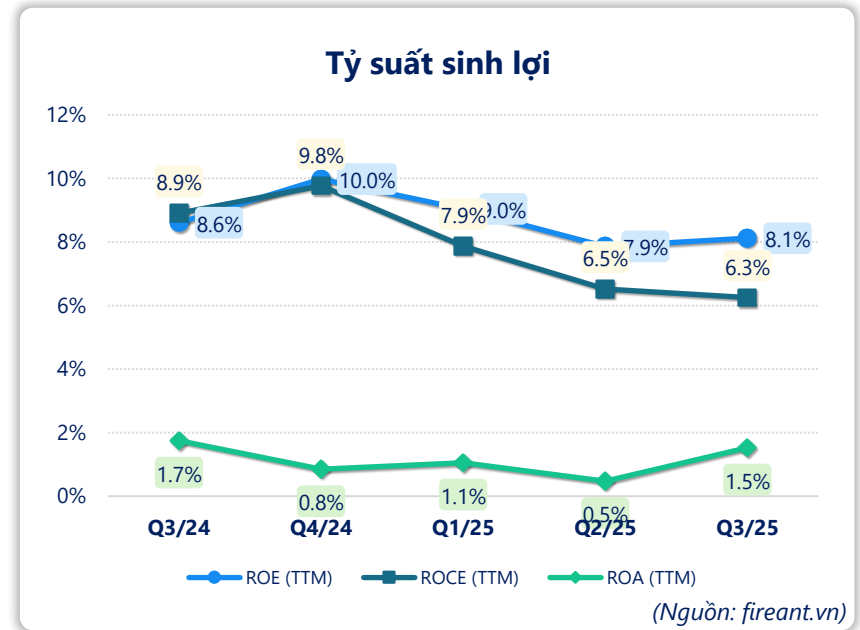
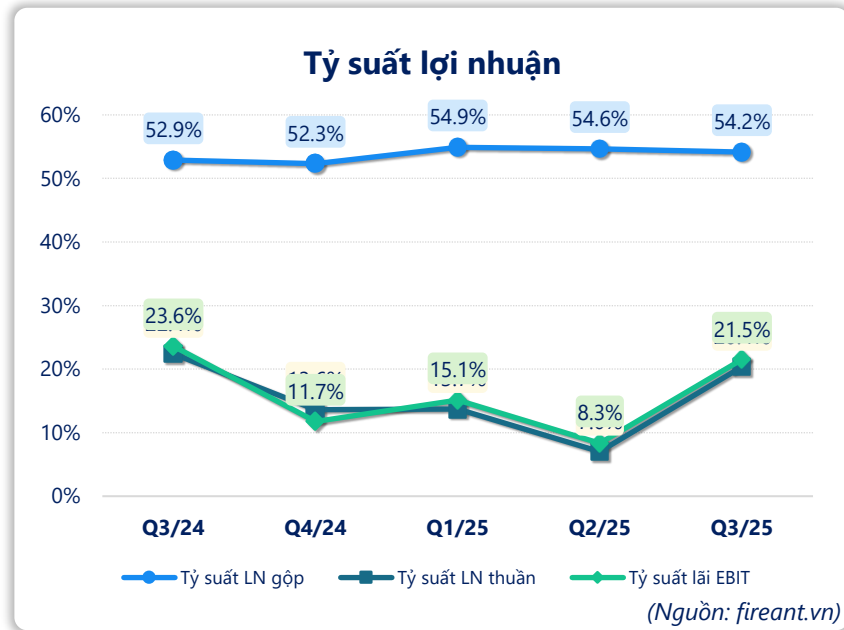
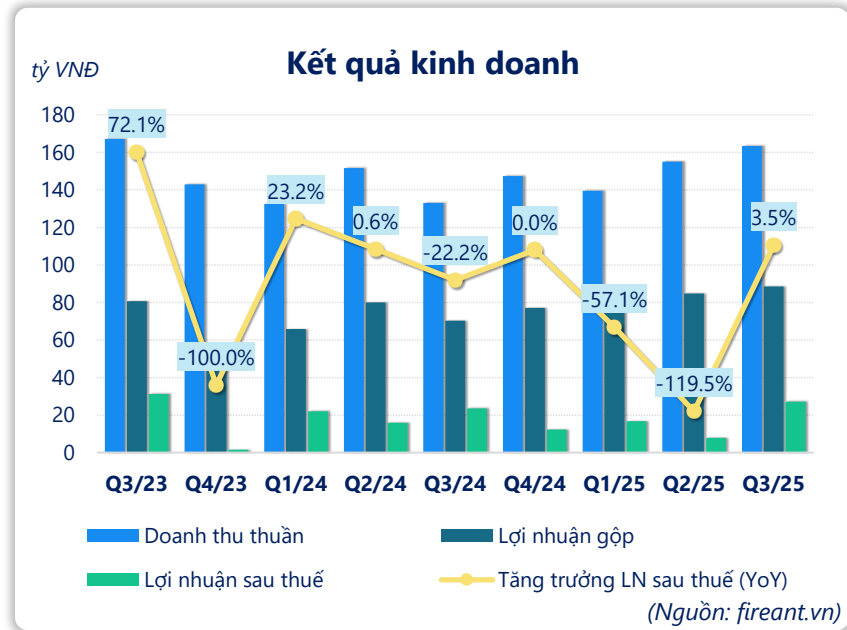


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		39,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		39,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		28,000
SL cổ phiếu LH		20,938,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		5
% sở hữu nước ngoài		0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		833
P/E		13.1
EPS		3,050

	YTD	1T	3T	6T
DAN	32.2%	7.6%	9.0%	17.1%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,042	1,596	27.9%
Tài sản ngắn hạn	660	567	16.3%
Tiền và tương đương tiền	65.1	74.6	-12.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	471	371	27.0%
Hàng tồn kho	102	82.4	23.2%
Tài sản ngắn hạn khác	22.7	39.6	-42.8%
Tài sản dài hạn	1,382	1,029	34.3%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	99.6	110	-9.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1,260	896	40.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	6.80	6.80	0.0%
Tài sản dài hạn khác	15.2	16.5	-8.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,225	831	47.4%
Nợ ngắn hạn	380	400	-5.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	196	163	19.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	86.2	135	-36.1%
Nợ dài hạn	845	431	96.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	447	326	37.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	817	765	6.7%
Vốn chủ sở hữu	817	765	6.7%
Vốn điều lệ	209	209	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0.14	0.14	0.0%

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	133	147	140	155	163
Giá vốn hàng bán	62.7	70.2	63.0	70.3	74.9
Lợi nhuận gộp	70.3	77.1	76.6	84.7	88.5
Doanh thu HĐTC	2.77	6.97	0.53	3.22	0.19
Chi phí TC	1.75	6.38	7.94	24.3	4.18
Chi phí lãi vay	1.75	1.66	1.86	2.06	1.82
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	19.8	24.5	24.4	25.2	26.5
Chi phí QLDN	21.8	33.1	25.7	27.5	24.7
LN thuần từ HĐKD	29.8	20.1	19.2	10.9	33.3
Lợi nhuận khác	-0.17	-4.47	0.06	-0.02	0.02
LN trước thuế	29.6	15.6	19.2	10.9	33.3
Lợi nhuận sau thuế	23.6	12.2	16.7	7.89	27.1
LNST của CĐ cty mẹ	23.6	12.2	16.7	7.89	27.1

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	78.6	20.4	-61.0	43.7	37.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-72.2	-64.2	-55.4	-44.2	-84.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	55.4	47.6	82.8	35.3	35.2
Tiền đầu kỳ	9.01	70.8	74.6	41.1	78.0
Lưu chuyển tiền thuần	61.7	3.78	-33.5	34.8	-11.5
Ảnh hưởng tỷ giá	0.01	0.00	0.00	2.11	-1.44
Tiền cuối kỳ	70.8	74.6	41.1	78.0	65.1

(Nguồn: fireant.vn)